

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đối tượng và kinh phí trợ cấp một lần cho người tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;

Căn cứ Quyết định số 194/QĐ-LĐTBXH ngày 16/02/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 thực hiện Pháp lệnh ưu đãi Người có công;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 493/SLĐTBXH-NCC ngày 22 tháng 02 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đối tượng và kinh phí thực hiện trợ cấp một lần cho người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm- Pu-Chi-a, giúp bạn Lào theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ với các nội dung sau:

1. Tổng số đối tượng là: 98 người, với tổng kinh phí: 485.000.000 đồng

(Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng chẵn). Trong đó:

- Đối tượng hiện còn sống đủ điều kiện được hưởng trợ cấp một lần:

+ Số đối tượng: 82 người.

+ Số tiền: 428.900.000 đồng.

- Thân nhân của đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào đã trù trừ hưởng trợ cấp một lần:

+ Số đối tượng: 16 người.

+ Số tiền: 56.100.000 đồng.

(chi tiết theo phụ lục đính kèm)

2. Nguồn kinh phí: Theo Quyết định số 194/QĐ-LĐTBXH ngày 16/02/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc bổ sung dự toán ngân sách Nhà nước năm 2017 thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện phê duyệt số đối tượng và phân bổ dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách theo chỉ đạo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Quyết định số 194/QĐ-LĐTBXH ngày 16/02/2017; hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức việc chi trả chế độ trợ cấp một lần cho các đối tượng theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc chi trả chế độ trợ cấp một lần kịp thời, đúng đối tượng và định mức theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của Nhà nước.

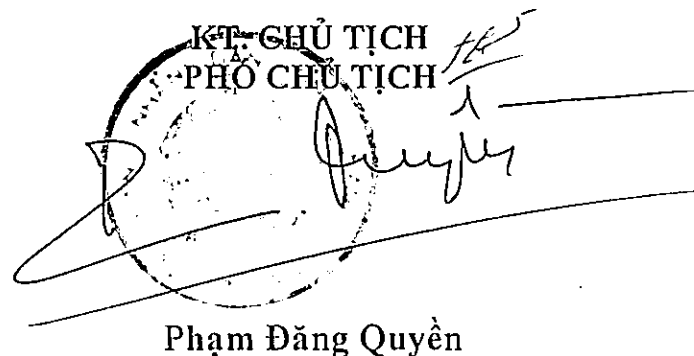
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Bộ Lao động - TBXH (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, VX.NCC20

KT-GHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

Phụ lục 1: Tổng hợp đối tượng và kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp cho đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm Pu-Chia, giúp bạn Lào theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg và Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BLĐTBXH-BQP-BTC sau 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc

(Kèm theo Quyết định số: ~~679~~ ⁶⁷⁹ /QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Đơn vị	Đối tượng và kinh phí thực hiện chế độ do ngân sách Trung ương đảm nhận					
		Tổng số		Đối tượng hiện còn sống		Thân nhân ĐT đã từ trần	
		Người	Kinh phí (đ)	Người	Kinh phí (đ)	Người	Kinh phí (đ)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	TP Thanh Hóa	4	13.800.000	1	4.500.000	3	9.300.000
2	Triệu Sơn	22	122.900.000	21	119.300.000	1	3.600.000
3	Cẩm Thủy	1	8.900.000	1	8.900.000	0	-
4	Yên Định	8	37.500.000	7	33.900.000	1	3.600.000
5	Quảng Xương	8	29.800.000	6	22.600.000	2	7.200.000
6	Hoàng Hóa	3	15.800.000	2	12.200.000	1	3.600.000
7	Thọ Xuân	16	86.500.000	13	75.700.000	3	10.800.000
8	Đông Sơn	1	3.600.000	0	-	1	3.600.000
9	Vĩnh Lộc	14	69.400.000	14	69.400.000	0	-
10	Hậu Lộc	13	61.000.000	10	50.200.000	3	10.800.000
11	Nông Cống	5	24.000.000	4	20.400.000	1	3.600.000
12	Thiệu Hóa	3	11.800.000	3	11.800.000	0	-
	Cộng	98	485.000.000	82	428.900.000	16	56.100.000

**Phụ lục 2: Danh sách đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc làm nhiệm vụ quốc tế
được hưởng trợ cấp một lần theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg
(Kèm theo Quyết định số: 679/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)**

Số TT	Họ và Tên	Năm sinh	Trú quán	Thời gian được hưởng	Mức trợ cấp	Thân nhân	Quan hệ	Năm sinh
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Thành phố Thanh Hóa							
1	Nguyễn Quang Khắc	Chết	Xã Quảng Cát		2.100.000	Trần Thị Dậu	Vợ	1956
2	Lê Duy Lợi	Chết	Xã Đông Tân		3.600.000	Nguyễn Thị Đức	Vợ	1952
3	Hoàng Quốc Bình	Chết	Xã Quảng Cát		3.600.000	Lê Thị Đức	Vợ	1964
4	Trần Thị Hiền	1960	P. Đông Vệ		4.500.000			
	Cộng				13.800.000			
2	Huyện Triệu Sơn							
1	Nguyễn Bá Biên	1967	Xã Tân Ninh	02 năm 6 tháng	3.300.000			
2	Hoàng Văn Tám	1963	Xã Tân Ninh	09 tháng	2.500.000			
3	Lê Văn Hải	1952	Xã Thọ Cường	05 năm 9 tháng	5.700.000			
4	Lê Văn Đăng	1964	Xã Thọ Cường	01 năm 01 tháng	2.500.000			
5	Trần Thị Thu	1956	Xã Tân Ninh	07 năm 04 tháng	6.900.000			
6	Nguyễn Thị Ngo	1965	Xã Hợp Thắng	03 năm 06 tháng	4.100.000			
7	Nguyễn Thị Thập	1940	Xã Đồng Tiến	07 năm 11 tháng	7.300.000			
8	Nguyễn Thị Khuyến	1957	Xã Đồng Tiến	06 năm 08 tháng	6.500.000			
9	Hoàng Thị Thanh	1957	Xã Đồng Tiến	06 năm 11 tháng	6.500.000			
10	Đỗ Thị Tươi	1960	Xã Đồng Tiến	06 năm 08 tháng	6.500.000			
11	Nguyễn Thị Ngọt	1957	Xã Đồng Tiến	06 năm 08 tháng	6.500.000			
12	Nguyễn Thị Hồ	1956	Xã Đồng Tiến	06 năm 10 tháng	6.500.000			
13	Lê Văn Tĩnh	1959	Xã Đồng Tiến	06 năm 11 tháng	6.500.000			
14	Mai Thị Nin	1960	Xã Khuyến Nông	06 năm 08 tháng	6.500.000			
15	Lê Thị Thập	1963	Xã Thái Hòa	04 năm 01 tháng	4.500.000			
16	Nguyễn Xuân Hào	1960	Xã Thái Hòa	06 năm 08 tháng	6.500.000			

Số TT	Họ và Tên	Năm sinh	Trú quán	Thời gian được hưởng	Mức trợ cấp	Thân nhân	Quan hệ	Năm sinh
1	2	3	4	5	6	7	8	9
17	Phạm Thị Thông	1956	Xã Nông Trường	05 năm 6 tháng	5.700.000			
18	Lê Kim Nguyên	Chết	Xã Vân Sơn		3.600.000	Lê Thị Toán	Vợ	1958
19	Trần Thị Nhâm	1960	Xã Thọ Cường	06 năm 08 tháng	6.500.000			
20	Lê Thị Tinh	1964	Xã Đồng Tiến	04 năm 06 tháng	4.900.000			
21	Lê Thị Cảnh	1962	Xã Đồng Tiến	06 năm 08 tháng	6.500.000			
22	Lê Văn Điện	1955	Xã Khuyến Nông	07 năm 01 tháng	6.900.000			
	Cộng				122.900.000			
3	Huyện Thiệu Hóa							
1	Tổng Thị Cúc	1952	Xã Thiệu Trung	3 năm 5 tháng	3.700.000			
2	Nguyễn Duy Hờn	Chết	Xã Thiệu Chính		3.600.000			
3	Đỗ Như Tô	1957	Xã Thiệu Châu	4 năm 01 tháng	4.500.000			
	Cộng				11.800.000			
4	Huyện Quảng Xương							
1	Lê Bá Dũng	1959	Xã Quảng Tân	1 năm	2.500.000			
2	Lê Hữu Thành	1964	Xã Quảng Tân	3 năm 3 tháng	3.700.000			
3	Đàm Đình Hưng	1960	Xã Quảng Ninh	2 năm 9 tháng	3.300.000			
4	Lê Thị Dương	1958	Xã Quảng Ninh	4 năm	4.100.000			
5	Đặng Quang Hải	1969	Xã Quảng Trung	1 năm 10 tháng	3.300.000			
6	Nguyễn Văn Lợi	Chết	Xã Quảng Trường		3.600.000	Bùi Thị Lan	Vợ	
7	Phạm Văn Ai	Chết	Xã Quảng Đức		3.600.000	Phạm Văn I ãnh	Con	
	Cộng				24.100.000			
5	Huyện Hoằng Hóa							
1	Nguyễn Văn Nhin	1956	Xã Hoằng Trường	4 năm 9 tháng	4.900.000			
2	Hà Văn Lập	1956	Xã Hoằng Lương	7 năm 8 tháng	7.300.000			
3	Trương Văn Dũng	Chết	Xã Hoằng Phong		3.600.000	Hoàng Thị Kết	Vợ	1954
	Cộng				15.800.000			

Số TT	Họ và Tên	Năm sinh	Trú quán	Thời gian được hưởng	Mức trợ cấp	Thân nhân	Quan hệ	Năm sinh
1	2	3	4	5	6	7	8	9
6	Huyện Thọ Xuân							
1	Lê Bá Bình	1958	Xã Thọ Nguyên	8 năm	7.300.000			
2	Trịnh Thị Hải	1958	Xã Thọ Nguyên	8 năm	7.300.000			
3	Lê Thị Oanh	1956	Xã Thọ Nguyên	8 năm	7.300.000			
4	Lưu Thị Liên	1959	Xã Tây Hồ	8 năm	7.300.000			
5	Trịnh Hữu Thủy	1959	Xã Xuân Thiên	5 năm	4.900.000			
6	Lê Văn Minh	1951	Xã Xuân Thiên	5 năm	4.900.000			
7	Nguyễn Thị Yên	1955	Xã Xuân Tân	3 năm	3.300.000			
8	Lê Duy Ân	1947	Xã Thọ Lâm	8 năm 4 tháng	7.700.000			
9	Lê Xuân Thuận	1962	Xã Xuân Vinh	5 năm	4.900.000			
10	Hoàng Thị Hoa	1963	Xã Xuân Tín	4 năm 1 tháng	4.500.000			
11	Lê Thị Nhi	1962	Xã Xuân Tín	4 năm	4.100.000			
12	Hoàng Thị Hạnh	1962	Xã Xuân Tín	4 năm 4 tháng	4.500.000			
13	Tổng Trường Hợp	1946	Xã Xuân Tín	8 năm 5 tháng	7.700.000			
14	Trần Ngọc Hùng	Chết	Xã Xuân Tín		3.600.000	Lê Thị Liên	Vợ	1954
15	Hoàng Thị Lại	Chết	Xã Xuân Tín		3.600.000	Hoàng Thị Hoa	Em	1963
16	Lê Đức Dân	Chết	Xã Xuân Bái		3.600.000	Lê Thị Xuyên	Con	1982
	Cộng				86.500.000			
7	Huyện Hậu Lộc							
1	Nguyễn Thị Bình	1955	Xã Đa Lộc	8 năm	7.300.000			
2	Tạ Thị Yên	1957	Thị trấn Hậu Lộc	5 năm	4.900.000			
3	Cao Thị Quyên	1964	Xã Đại Lộc	4 năm	4.100.000			
4	Lê Tiến Dũng	1963	Xã Đại Lộc	5 năm	4.900.000			
5	Vũ Thị Hội	1963	Xã Đại Lộc	5 năm	4.900.000			
6	Đỗ Văn Sơn	1964	Xã Đại Lộc	5 năm	4.900.000			
7	Vũ Đình Phóng	1960	Xã Đại Lộc	5 năm	4.900.000			
8	Trịnh Thị Hòa	1965	Xã Đại Lộc	5 năm	4.900.000			

Số TT	Họ và Tên	Năm sinh	Trú quán	Thời gian được hưởng	Mức trợ cấp	Thân nhân	Quan hệ	Năm sinh
1	2	3	4	5	6	7	8	9
9	Trịnh Văn Thông	1960	Xã Đại Lộc	3 năm	2.900.000			
10	Vũ Văn Sinh	1958	Xã Đại Lộc	7 năm	6.500.000			
11	Lê Sỹ Nhiên	Chết	Xã Đại Lộc		3.600.000	Lê Thị Hiền	Vợ	1968
12	Trịnh Xuân Khanh	Chết	Xã Đại Lộc		3.600.000	Phan Thị Lý	Vợ	1966
13	Nguyễn Văn Anh	Chết	Xã Đại Lộc		3.600.000	Trịnh Thị Thái	Vợ	1958
	Cộng				61.000.000			
8	Huyện Nông Cống							
1	Nguyễn Thị Hòe	1956	Xã Tế Tân	4 năm	4.100.000			
2	Vũ Văn Hạng	1966	Xã Thăng Bình	6 năm	5.700.000			
3	Vũ Doãn Vinh	1967	Xã Thăng Bình	5 năm 4 tháng	5.300.000			
4	Phạm Hữu Thao	1959	Xã Vạn Thiện	5 năm 1 tháng	5.300.000			
5	Trần Văn Đôn	Chết	Xã Trường Giang		3.600.000	Trương Thị Thanh	Vợ	1962
	Cộng				24.000.000			
9	Huyện Đông Sơn							
1	Lâm Bá Thanh	Chết	Xã Đông Quang		3.600.000	Lê Thị Phương	Vợ	1966
	Cộng				3.600.000			
10	Huyện Vĩnh Lộc							
1	Dương Thị Thu	1954	Xã Vĩnh Tiến	4 năm 0 tháng	4.100.000			
2	Bùi Văn Hỷ	1954	Xã Vĩnh Tiến	3 năm 8 tháng	4.100.000			
3	Nguyễn Thị Dô	1945	Xã Vĩnh Hưng	5 năm 1 tháng	5.300.000			
4	Đỗ Văn Hùng	1962	Xã Vĩnh Thành	10 năm 10 tháng	9.700.000			
5	Lê Văn Chính	1952	Xã Vĩnh Ninh	10 năm 01 tháng	9.300.000			
6	Trịnh Xuân Vạn	1954	Xã Vĩnh Ninh	3 năm 3 tháng	3.700.000			
7	Đỗ Thị Thanh	1955	Xã Vĩnh Ninh	1 năm 2 tháng	2.900.000			
8	Trịnh Văn Thùy	1953	Xã Vĩnh Ninh	1 năm 4 tháng	2.900.000			
9	Nguyễn Văn Túy	1955	Xã Vĩnh Khang	7 năm 1 tháng	6.900.000			

Số TT	Họ và Tên	Năm sinh	Trú quán	Thời gian được hưởng	Mức trợ cấp	Thân nhân	Quan hệ	Năm sinh
1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	Nguyễn Thị San	1956	Xã Vĩnh Khang	4 năm 1 tháng	4.500.000			
11	Nguyễn Thị Lan	1956	Xã Vĩnh Khang	4 năm 4 tháng	4.500.000			
12	Cao Trọng Chánh	1961	Xã Vĩnh An	3 năm 0 tháng	3.300.000			
13	Nguyễn Thị Giòn	1953	Xã Vĩnh An	5 năm 0 tháng	4.900.000			
	Cộng				66.100.000			
11	Huyện Cẩm Thủy							
1	Tô Thị Hải	1956	Thị trấn Cẩm Thủy	10 năm	8.900.000			
	Cộng				8.900.000			
12	Huyện Yên Định							
1	Nguyễn Đình Hiền	1949	Xã Yên Thái	3 năm 11 tháng	4.100.000			
2	Lê Thị Tăng	1953	Xã Yên Thái	5 năm 7 tháng	5.700.000			
3	Nguyễn Thị Khoa	1948	Xã Định Hưng	1 năm 4 tháng	2.900.000			
4	Lê Đại Chiến	1947	Xã Định Công	3 năm	3.300.000			
5	Hoàng Thị Nam	1959	Xã Yên Thịnh	9 năm 11 tháng	8.900.000			
6	Trần Thị Lan	1960	Xã Yên Bái	4 năm	4.100.000			
7	Phạm Văn Xô	1957	Xã Định Bình	5 năm	4.900.000			
8	Trịnh Đình Bá	Chết	Xã Yên Lạc		3.600.000	Nguyễn Thị Xuyên	Vợ	1961
	Cộng				37.500.000			